

Bản án số: **11/2018/HNGĐ - ST**
Ngày: 04-7-2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Linh Sơn**

2. Bà **Kơ Ria Trâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh Tr**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Hà Văn Tuấn A**, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Tr trình bày: Chị và anh Hà Văn Tuấn A sau thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ vào ngày 11/6/2009, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống được một thời gian rồi về ở với nhà chồng tại thôn Q, xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, không cùng quan điểm, thiếu tôn trọng, không tin tưởng lẫn nhau, cách xử sự giữa vợ chồng với nhau với hai bên gia đình cũng không được khéo léo dẫn đến vợ chồng hay xích mích, cãi vã. Từ tháng 02/2018, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Tuấn A.

Bị đơn anh Hà Văn Tuấn A trình bày: Anh thừa nhận về thời điểm và nơi đăng ký kết hôn như chị Tr trình bày là đúng sự thật. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống giữa các bên có nhiều khác biệt dẫn đến không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn kéo dài, không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02/2018, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr.

Về con chung: Chị Tr, anh Tuấn A đều xác nhận vợ chồng có một người con chung là cháu Hà Văn Khôi V, sinh ngày 09/4/2010, hiện cháu V nửa tuần ở với chị Tr, nửa tuần còn lại ở với anh Tuấn A. Chị Tr và anh Tuấn A đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Tr và anh Tuấn A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr và anh Tuấn A cùng xác nhận không có nợ chung.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn, anh Tuấn A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, cả chị Tr và anh Tuấn A thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, các bên trình bày không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh Tr và anh Hà Văn Tuấn A;

Giao cháu Hà Văn Khôi V cho chị Nguyễn Thị Minh Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung do không có nợ chung nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Tr, bị đơn anh Hà Văn Tuấn A và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Tuấn A đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến nay. Cả chị Tr và anh Tuấn A đều thừa nhận nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong các vấn đề của cuộc sống, hơn nữa việc ứng xử giữa vợ và chồng với nhau cũng như đối với gia đình hai bên không được khéo léo, thiếu tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến cuộc sống chung phát sinh nhiều xích mích, căng thẳng, nặng nề, tình cảm vợ chồng không còn; từ tháng 02/2018 vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên là có xảy ra trong thực tế và kéo dài nhưng không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Tr vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Tuấn A; về phía anh Tuấn A cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Xét thấy việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr với anh Tuấn A.

Về con chung: Chị Tr và anh Tuấn A đều xác nhận có một người con chung là cháu Hà Văn Khôi V, sinh ngày: 09/4/2010. Các bên đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khôi V đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đến sự đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của cháu. Cả chị Tr và anh Tuấn A đều có công việc, thu nhập ổn định, chị Tr thu nhập 6.442.800đ/tháng (*bút lục số 39*), còn anh Tuấn A thu nhập 7.296.900đ/tháng (*bút lục số 50*) nên có điều kiện, khả năng nuôi con. Mặt khác, cả chị Tr và anh Tuấn A đều có được sự cam kết sẽ hỗ trợ tích cực về mọi mặt của gia đình để anh chị có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nhất. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Trong khi đó cháu Khôi V sinh ngày 09/4/2010 đến nay đã trên 8 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của cháu. Tại biên bản lấy lời khai (*bút lục số 37*) cháu Khôi V thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Khôi V cho chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khôi V. Chị Tr không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Tr phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Tuấn A không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 205, 206, 220, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh Tr với anh Hà Văn Tuấn A.

2.Về con chung: Giao cháu Hà Văn Khôi V, sinh ngày 09/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Minh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Tr không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Minh Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0004973 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (chị Tr đã nộp đủ). Anh Hà Văn Tuấn A không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn